

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2018/HS-PT
Ngày: 26/7/2018.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Trung Ngôn.
2. Ông Phan Văn Liệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 230/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Ph và Trần Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thanh T, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1966 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; Thường trú: Lý Tự Trọng, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: chạy xe ôm; Học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H (chết); con bà: Hồ Thị Kim L (chết); Có vợ tên Đoàn Thị Mộng H, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: không.

+ Nhân thân: Năm 1983, bị Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đưa đi cưỡng bức lao động 18 tháng về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt TSCCD”; Ngày 14/10/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/8/2017 (có mặt).

2. Nguyễn Văn Ph; sinh năm 1962; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Đăng ký HKTT và chỗ ở: Sư Vạn Hạnh, Phường V, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Võ Thị Đ (chết); Vợ: Nguyễn Thị H; Con: có 02 con (con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1991); Tiền án, tiền sự: không.

+ Bị bắt, tạm giam từ ngày 09/8/2017, đến ngày 09/02/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

+ Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị:*

Ngoài ra, còn có bị cáo Nguyễn Thị H không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 08/8/2017, Bùi Duy Hồng và Phan Văn Hải Anh đến quán nước giải khát trước số Sư Vạn Hạnh, Phường X, Quận Y với mục đích tìm gái bán dâm để quan hệ tình dục. Hồng có hỏi vợ chồng chủ quán là Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Ph giới thiệu gái bán dâm, H và Ph đồng ý và nói giá 700.000 đồng/gái/lần. Hồng nói kiếm 02 gái bán dâm cho Hồng và Hải Anh, đồng thời đưa trước cho H 1.400.000 đồng và cho Ph 100.000 đồng để nạp tiền điện thoại liên hệ với gái mại dâm. H nhận tiền của Hồng 1.400.000 đồng rồi điện thoại cho Trần Thanh T bắt mỗi 02 gái bán dâm cho khách có nhu cầu. T trả lời chỉ có một gái (Nguyễn Thị Yến) giá 600.000 đồng/ lần, H đồng ý. Đến khoảng 23h10' cùng ngày, T chở Nguyễn Thị Yến đến thỏa thuận mua bán dâm với Phan Văn Hải Anh. H đưa cho T 600.000 đồng, H hưởng 100.000 đồng. T đưa Yến 200.000 đồng để trả tiền phòng rồi chở Yến đến khách sạn Ph Lợi Lợi - số 289 Trần Phú, Phường 8, Quận 5 thuê Phòng 103 thực hiện bán dâm cùng Hải Anh, còn T quay về ngã tư An Dương Vương - Huỳnh Mẫn Đạt chờ Yến. Đến khoảng 23h20' cùng ngày, Tổ công tác đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 5 kiểm tra khách sạn Ph Lợi Lợi phát hiện hành vi mua bán dâm nên đưa Phan Văn Hải A và Nguyễn Thị Y về Công an Phường 8, Quận 5 lập biên bản, đồng thời đưa Trần Thanh T và Bùi Duy Hồng về Công an phường làm việc.

Đối với Nguyễn Văn Ph lấy xe máy chở H ra khu vực đường Nguyễn Chí Thanh tìm kiếm thêm 01 gái bán dâm cho Hồng nhưng không có nên quay trở lại quán cũng bị mời về phường làm việc.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5, Trần Thanh T, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Ph đều khai nhận hành vi phạm tội như trên. Ngoài ra, T, H và Ph còn thừa nhận đã thực hiện môi giới bán dâm 02 lần với Ph thức, giá cả tương tự. Trần Thanh T được chia 50/50 với Nguyễn Thị Yến trên số

tiền bán dâm, hưởng lợi 500.000 đồng từ hai lần môi giới bán dâm. Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Ph hưởng lợi 200.000 đồng từ hai lần môi giới bán dâm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh T, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Ph phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 328; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2017.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 328; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đây, từ ngày 09 tháng 8 năm 2017 đến ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt Nguyễn Thị H 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/5/2018, bị cáo Trần Thanh T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/5/2018, bị cáo Nguyễn Văn Ph kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thanh T và Nguyễn Văn Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, vai trò đồng phạm cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã kết luận: đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thanh T và Nguyễn Văn Ph về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai; mức hình phạt 04 (bốn) năm tù đối với Trần Thanh T và 02 (hai) năm tù với Phạm Văn Ph là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T và Ph kháng cáo bản án trong thời gian luật định nên hợp lệ và xin giảm nhẹ hình phạt cũng như hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và cho bị cáo Ph hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa thành người có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thanh T và Nguyễn Văn Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản vụ việc, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, lời khai của (người có quyền, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng) cùng các biên bản về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra.

Đã đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo Trần Thanh T, Nguyễn Văn Ph cùng Nguyễn Thị H đã đồng phạm thực hiện hành vi môi giới, dẫn dắt cho Nguyễn Thị Y bán dâm cho Phan Văn Hải A với giá 600.000 đồng/lần vào ngày 08/8/2017 thì bị Công an bắt quả tang khi cả hai đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại Phòng 103 Khách sạn Ph Lợi Lợi - số 289 Trần Phú, Phường 8, Quận 5. Ngoài ra, cũng với Ph thức, giá cả và địa điểm tương tự, trước đó vài ngày, các bị cáo T, Ph và H đã môi giới cho Nguyễn Thị Y bán dâm cho Hải A để hưởng lợi.

Trần Thanh T được chia 50/50 với Nguyễn Thị Y trên số tiền bán dâm, hưởng lợi 500.000 đồng từ hai lần môi giới bán dâm. Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Ph hưởng lợi 200.000 đồng từ hai lần môi giới bán dâm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tiếp tay cho lối sống suy đồi về đạo đức, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục tốt đẹp của dân tộc và là nguyên nhân làm lây lan các căn bệnh xã hội; gây mất trật tự trị an xã hội tại địa Ph. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi bất chính vẫn cố ý phạm tội, chà đạp lên thân xác phụ nữ để hưởng lợi.

Xét, các bị cáo T, H và Ph đã 02 lần thực hiện hành vi môi giới, dẫn dắt gái mại dâm Nguyễn Thị Y bán dâm cho Phan Văn Hải A để hưởng lợi nên

thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần”, là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Với hành vi của các bị cáo Trần Thanh T, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Ph nêu trên đã phạm vào tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử các bị cáo Trần Thanh T, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Ph về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), có khung hình phạt nhẹ hơn là đã xem xét các quy định có lợi cho người phạm tội theo Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 02/5/2018, bị cáo Trần Thanh T có đơn kháng cáo và ngày 09/5/2018, bị cáo Nguyễn Văn Ph có đơn kháng cáo; là làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung đơn kháng cáo:

+Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về tình tiết giảm nhẹ như: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính; là lao động chính, tại Cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù khai báo quanh co nhưng vẫn thừa nhận hành vi phạm tội; để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét tính chất, mức độ phạm tội và bị cáo T có nhân thân xấu. Trong vụ án giữ vai trò chính, là người trực tiếp dẫn dắt gái bán dâm, rủ rê các bị cáo H và Ph tham gia đồng phạm và được hưởng lợi nhiều nhất từ việc phạm tội (giữ tiền và ăn chia 50/50 trên số tiền bán dâm với gái bán dâm). Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 04 (bốn) năm tù là thỏa đáng; đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; mới đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới theo quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T nên giữ nguyên án sơ thẩm.

+Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Ph: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính; thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, bị cáo Ph trong quá trình làm dân phòng đã có nhiều thành tích xuất sắc: được Ủy ban nhân dân các cấp tặng nhiều giấy khen tham gia thực

hiện tốt các phong trào tại địa Ph; giấy biểu dương người tốt, việc tốt; giấy khen trong tham gia phòng chống tội phạm và được Công an Thành phố Hồ Chí Minh tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo Ph mức hình phạt 02 (hai) năm tù là thỏa đáng; phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ph xuất trình đơn xác nhận có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính; luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật tại địa Ph nơi cư trú; là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cũng như sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp 5.200.000 đồng là khoản tiền phạt sung quỹ Nhà nước và án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai nộp tiền số 04408 ngày 24/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cần được xem xét.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

Xét, bị cáo Ph bị xử phạt mức án 02 (hai) năm tù, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng; phạm tội đồng phạm với vai trò người giúp sức hạn chế; bản thân là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng và trong thời gian được tại ngoại chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật; cũng như thời gian bị tạm giam 06 tháng, đã phần nào có tác dụng dè dặt, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, không cần thiết bắt bị cáo Ph chấp hành hình phạt tù cũng không còn nguy hiểm cho xã hội nên cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có tác dụng của hình phạt đối với bị cáo Ph nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Xét, kháng cáo của bị cáo Ph là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Ngoài ra, về hình phạt bổ sung, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo T, H và Ph nộp phạt tiền để sung quỹ Nhà nước nhưng lại áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 và Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; để buộc các bị cáo chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm cần lưu ý trong việc áp dụng pháp luật.

Xét, mặc dù các bị cáo T, H và Ph không kháng cáo bản án sơ thẩm về phần này nhưng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy bỏ phần này.

Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, b Khoản 1 Điều 355; điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Ph và sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh T và Nguyễn Văn Ph phạm tội: “Môi giới mại dâm”.

+Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 328; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: bị cáo Trần Thanh T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 09/8/2017.

+Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 328; các điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 65; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Ph 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Ph cho Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Ph chấp hành hình phạt tù của bản án.

Hủy bỏ phần: Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; để buộc các bị cáo Trần Thanh T, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn Ph, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà các bị cáo không nộp các khoản tiền phạt bổ sung nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn Ph đã tự nguyện nộp số tiền 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền phạt sung quỹ Nhà nước và án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai nộp tiền số 04408 ngày 24/7/2018 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị cáo Trần Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Văn Ph không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 5 (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA Quận 5 (2)
- TAND Quận 5 (2)
- Công an Quận 5 (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh